

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1945/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 04/11/2021
V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Công Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. ông Trần Đăng Vạn
2. Ông Mai Thanh Giàu

- Thư ký phiên tòa: ông Bùi Ngọc Tân là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Quốc Phong – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý: 758/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4533/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1997

Địa chỉ: Số 45/52 Đường 1/5, Phường B’ Lao, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Ông Lý Văn D, sinh năm 1997

Địa chỉ: Số 63/15B Lã Xuân Oai, Tổ 2, Khu phố 2, phường Tăng Nhơn Phú A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn bà Phạm Thị N trình bày:

Bà và ông Lý Văn D tìm hiểu nhau, có sự đồng ý của hai bên gia đình sau đó tổ chức đám cưới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tăng Nhơn

Phú A, Quận 9 nay là thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 79/2017 ngày 19/6/2017.

Sau khi kết hôn, bà và ông Lý Văn D chung sống hạnh phúc bình thường được hai năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông D không chịu khó làm ăn vun vén cho gia đình thường xuyên tụ tập bạn bè đi chơi nhiều ngày không liên lạc được, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tình cảm lạnh nhạt. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hai bên không thể hàn gắn được. Bà và ông đã sống ly thân từ tháng 9/2019 đến nay. Nay bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông Lý Văn D.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Lý Văn E, sinh ngày 22/11/2016, bà yêu cầu nuôi con và yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con là 4.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Bà N xác định không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 29 tháng 10 năm 2020 ông D trình bày: ông và bà N kết hôn ngày 19 tháng 6 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9. Trong thời gian chung sống xảy ra mâu thuẫn đã sống ly thân nên ông D chấp nhận ly hôn.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Lý Văn E, sinh ngày 22/11/2016, ông đồng ý để con cho bà N nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: ông không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Phạm Thị N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Lý Văn D có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật. Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quyền hạn theo quy định của pháp luật;

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể, về quan hệ hôn nhân: bà Phạm Thị N được ly hôn với ông Lý Văn D; Về con chung: Giao cho bà N trực tiếp

nuôi dưỡng người con chung tên Lý Văn E, sinh ngày 22/11/2016; Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Án phí hôn nhân và gia đình: Bà N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ lời khai của đương sự trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Phạm Thị N nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lý Văn D, ông D có nơi cư trú tại Thành phố Thủ Đức. Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N và ông D.

[3] Xét yêu cầu của đương sự:

Bà Phạm Thị N và ông Lý Văn D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9, nay là thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 79 ngày 19/6/2017 nên hôn nhân giữa bà Phạm Thị N và ông Lý Văn D là hợp pháp.

Theo lời khai của bà Bích, sau khi kết hôn, bà và ông Lý Văn D chung sống hạnh phúc được hai năm thì xảy ra mâu thuẫn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hai bên không thể hàn gắn được. Thực tế bà N và ông D đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Tại bản tự khai ông D cũng đã xác nhận trong thời gian chung sống phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân nên ông chấp nhận ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa bà N và ông D đã thực sự trầm trọng, hai bên không mong muốn hàn gắn, không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân, thực tế đã sống ly thân. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị N đối với ông Lý Văn D.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Lý Văn E, sinh ngày 22/11/2016, bà N yêu cầu được nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, tại bản tự khai ngày 29 tháng 10 năm 2020, ông D đồng ý để con cho bà N nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng. Do vậy, yêu cầu được nuôi con của bà N là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: ông D hiện nay ông không có việc làm, không có thu nhập nên ông D đề nghị cấp dưỡng cho bà N nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng là có cơ sở chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Trang phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị N được ly hôn với ông Lý Văn D

Giấy chứng nhận kết hôn số 79 do Ủy ban nhân dân phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9, nay là thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/6/2017 không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Giao cho bà Phạm Thị N trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Lý Văn E, sinh ngày 22/11/2016. Ông Lý Văn D phải cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/ tháng. Việc cấp dưỡng bắt đầu từ khi bản án này có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu lợi dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, Nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà N đã nộp tại Biên lai thu tiền số: AA/2019/0046651 ngày 11/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức. Bà N đã nộp đủ án phí. Ông D còn phải

nộp 300.000 đồng án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THADS Thành phố Thủ Đức;
- UBND phường Tăng Nhơn Phú A, Quận Thủ Đức, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Công Hạnh